

Bản án số 125/2026/DS-ST
Ngày 24/7/2026
(V/v T/c Hợp đồng vay tài sản)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên

Hội thẩm nhân dân: Ông Mè Văn Hội

Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Vũ Hữu Thơ -Thư ký Tòa án nhân dân
Khu vực 4- Bắc Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 4- Bắc Ninh không tham gia phiên tòa.

Ngày 24/7/2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4- Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 192/2026/TLST-DS ngày 09/4/2026 về việc: Tranh chấp *Hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2026/QĐXXST- DS ngày 09/7/2026, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1970(Có mặt).

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Anh Đồng Văn K1, sinh năm 1997(Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn H, xã T, tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Anh T, sinh năm 1965(Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai và phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị K và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trần Anh T trình bày: Ngày 01/8/2025 anh Đồng Văn K1 vay của bà K 80.000.000 đồng (T mươi triệu đồng) tiền gốc, ngày 03/8/2025 anh K1 vay tiếp 70.000.000 đồng, tổng

cộng 150.000.000 đồng tiền gốc, có viết giấy vay tiền, anh **K1** cam kết trả trong thời hạn 01 tháng, không thỏa thuận về lãi suất. Hết thời hạn trả nợ nhưng anh **K1** không trả bà **K** đồng nào. Đến nay bà **K** đã gặp và đòi nhiều lần nhưng anh **K1** không chịu trả đồng nào.

Tại đơn khởi kiện, bà **K** yêu cầu anh **Đồng Văn K1** phải trả lại số tiền gốc là 150.000.000 đồng(Một trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu tiền lãi suất. Tại quá trình giải quyết vụ án bà **K** yêu cầu anh **K1** trả 150.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất theo quy định, thời gian từ ngày 04/9/2025 đến ngày xét xử, tính tròn là 10 tháng. Số tiền trên là tài sản chung vợ chồng bà **K**, ông **T**.

2. Bị đơn là anh **Đồng Văn K1** tại biên bản ghi lời khai trình bày: Ngày 01 tháng 8 năm 2025 anh **K1** vay của bà **K** số tiền 80.000.000 đồng tiền gốc; ngày 03/8/2025 anh **K1** vay tiếp 70.000.000 đồng, tổng cộng 150.000.000 đồng tiền gốc, có viết giấy vay tiền, cam kết trả trong thời hạn 01 tháng, không thỏa thuận về lãi suất. Hết thời hạn trả nợ nhưng do chưa có tiền nên anh **K1** chưa trả được bà **K** đồng nào.

Do vậy nay bà **K** yêu cầu phải trả lại số tiền gốc là 150.000.000 đồng(Một trăm năm mươi triệu đồng) thì đồng ý nhưng xin trả dần . Anh **K1** hiện đang độc thân, số tiền trên vay sử dụng cá nhân nên là tiền nợ riêng của anh **K1**.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh không tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn và ông **T** nhưng đã đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy việc xét xử vụ án vắng mặt đương sự trên là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh không tham gia phiên tòa là đúng quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Do ngày 01/8/2025 và ngày 03/8/2025 bà **K** và anh **K1** ký kết hợp đồng vay tài sản nên nên yêu cầu khởi kiện của bà **K** trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện, Tòa án nhận định: Ngày 01/8/2025 anh **K1** vay của bà **K** số tiền 80.000.000 đồng(**T** mươi triệu đồng) tiền gốc; ngày 03/8/2025

anh **K1** vay tiếp 70.000.000 đồng, tổng cộng 150.000.000 đồng tiền gốc, có viết giấy vay tiền, thời hạn 01 tháng, không thỏa thuận về lãi suất. Hết thời hạn trả nợ anh **K1** chưa trả được bà **K** đồng nào. Nay anh **K1** đồng ý trả bà **K** 150.000.000 đồng tiền gốc. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của bà **K** yêu cầu anh **K1** trả 150.000.000 đồng tiền gốc.

Về yêu cầu lãi suất: Do ngày 01/8/2025 và ngày 03/8/2025 bà **K** và anh **K1** ký kết hợp đồng vay tài sản nên yêu cầu về lãi suất của bà **K** được chấp nhận theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự. Do các đương sự không thỏa thuận về lãi suất nên căn cứ mức lãi suất là 10%/năm (0,83%/ tháng) theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để giải quyết. Do vậy anh **K1** phải có nghĩa vụ trả tiền lãi suất là $150.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 10 \text{ tháng} = 12.450.000 \text{ đồng}$.

Do bà **K**, ông **T** đều trình bày là tài sản chung vợ chồng nên anh **K1** phải có nghĩa vụ trả bà **K**, ông **T** 150.000.000 đồng tiền gốc và 12.450.000 đồng tiền lãi, tổng cộng 162.450.000 đồng.

[4].Án phí sơ thẩm: Anh **K1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ nội dung trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 429, các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự; các Điều 26,35,39,khoản 1 Điều 218, các Điều 227,228, Điều 271,273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 33, 35 Luật Hôn nhân và gia đình, xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh **Đồng Văn K1** phải có nghĩa vụ trả bà **Nguyễn Thị K**, ông **Trần Anh T** 150.000.000 đồng tiền gốc và 12.450.000 đồng tiền lãi, tổng cộng 162.450.000 đồng(Một trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

2.Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Anh **K1** phải chịu 8.122.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà **Nguyễn Thị K** 3.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003068 ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh .

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi suất chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 tương ứng với số tiền gốc và thời gian chưa thi hành án. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự
- TAND T. BN
- VKSND KV4
- Phòng THADS KV4
- UBND xã Tiên Lục
- Lưu

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Kiên